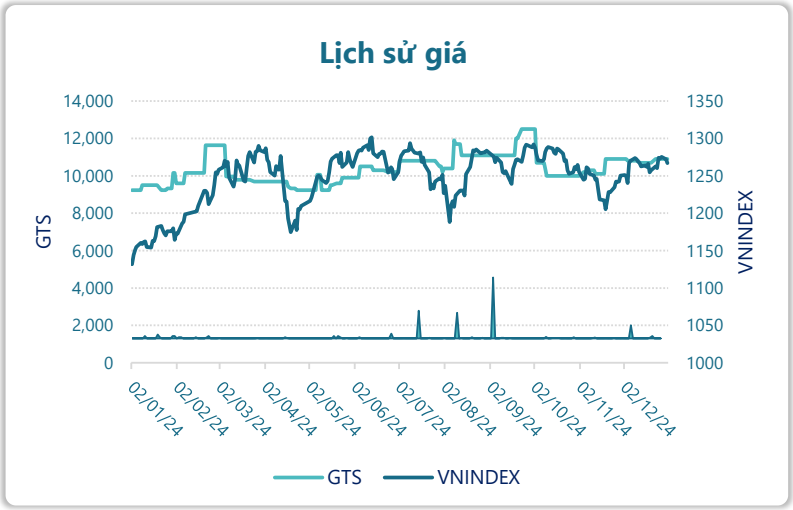
FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Sài Gòn (UPCOM: GTS)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,231
SL cổ phiếu LH	28,499,764
KLGD BQ 20 phiên (CP)	415
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	311
P/E	9.5
EPS	1,150

DT thuần

Q4/24

919

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 713| 346%

YoY: ▲ 191| 26.2%

LN sau thuế

Q4/24

18.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.5| 284%

YoY: ▲ 4.60| 33.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

1,502

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 214| 16.6%

LN sau thuế

2024

32.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.60| 20.6%

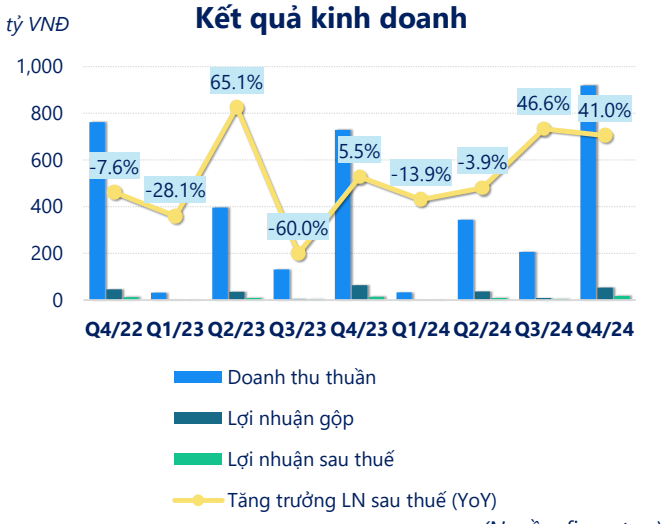
ROE

2024

10.1%

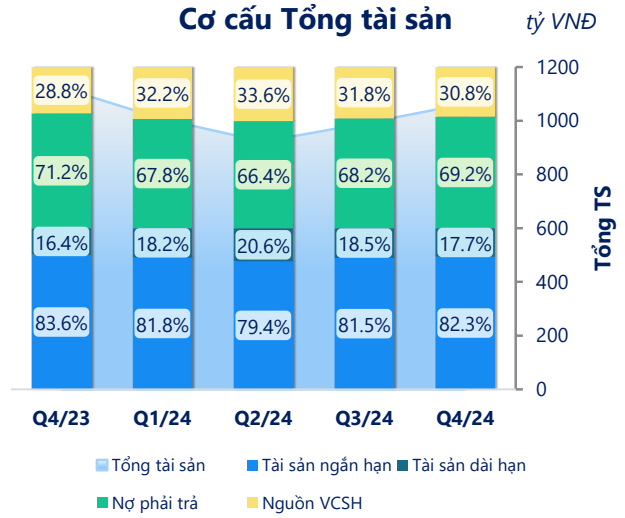
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



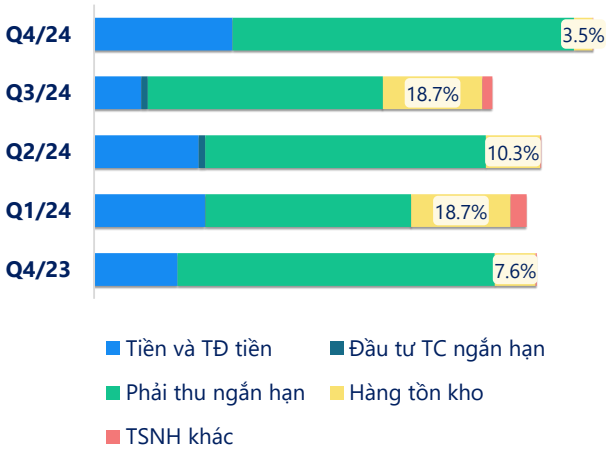
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



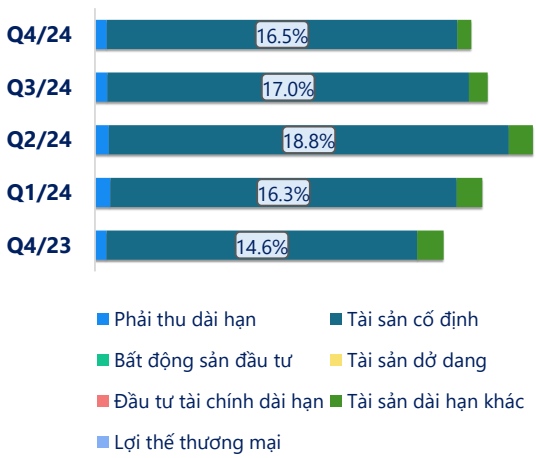
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



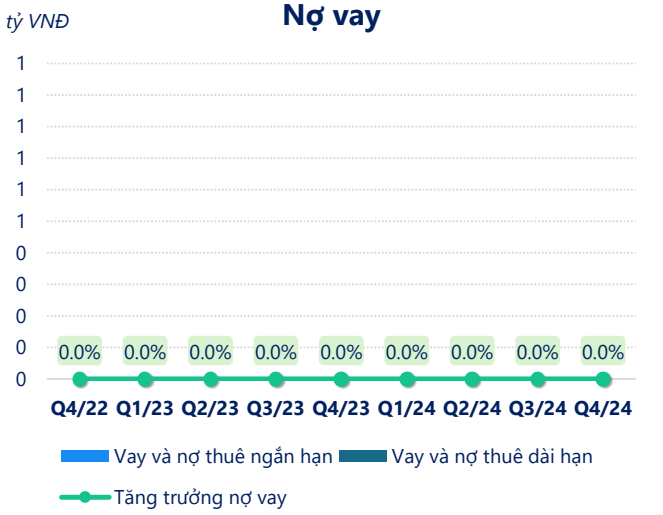
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



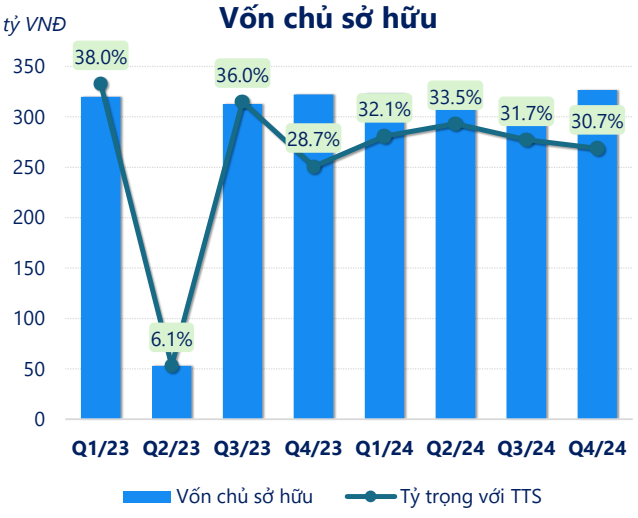
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



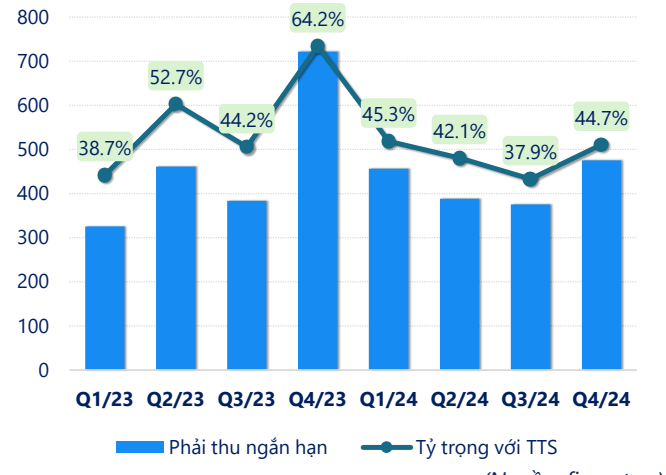
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



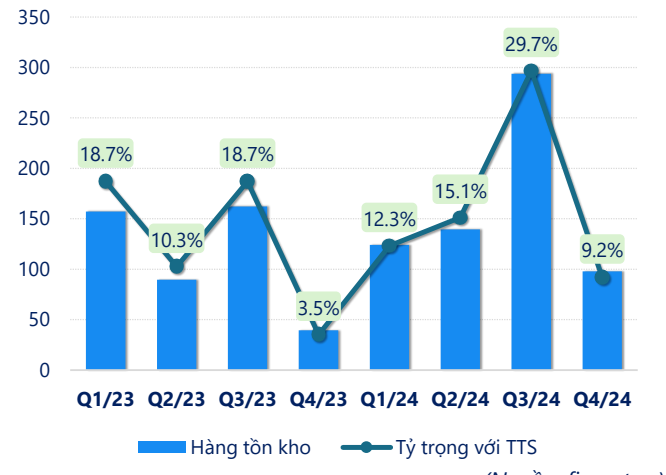
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



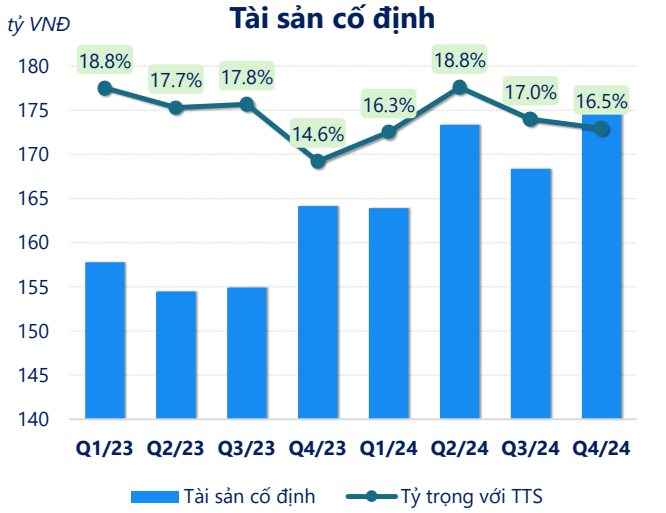
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



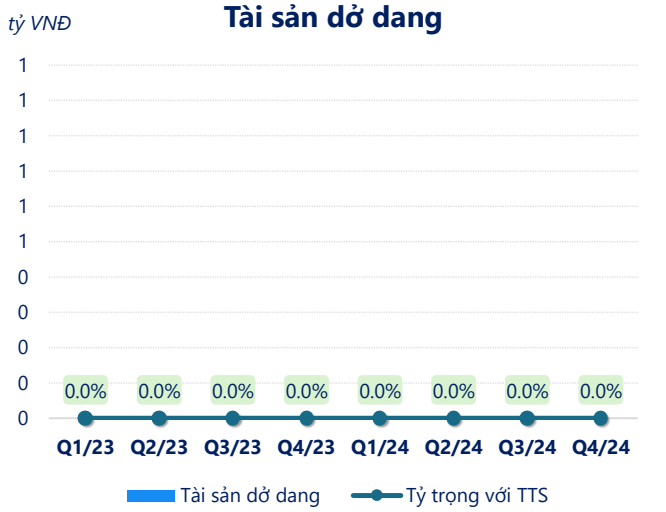
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



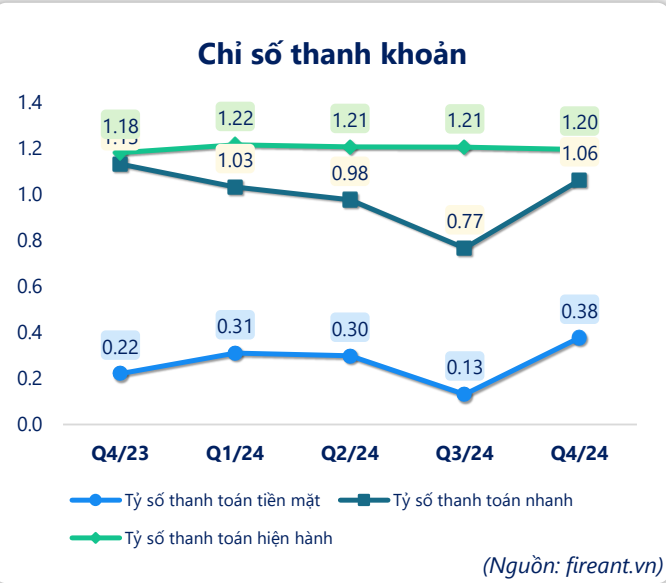
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



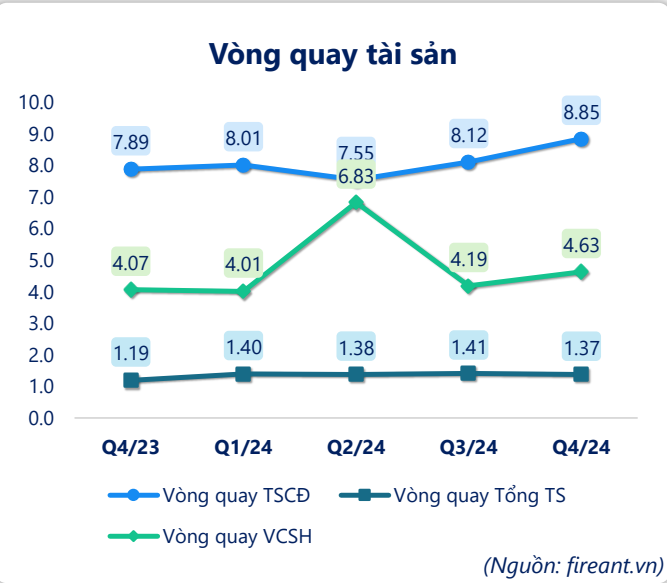
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,124**	**1,007**	**922**	**990**	**1,063**
Tài sản ngắn hạn	**939**	**824**	**732**	**807**	**875**
Tiền và tương đương tiền	176	210	182	87.7	276
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.74	0.74	0.75	0.75	0.76
Phải thu ngắn hạn	722	457	388	375	475
Hàng tồn kho	39.6	124	139	294	97.8
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	32.1	22.4	49.9	24.9
Tài sản dài hạn	**184**	**183**	**190**	**183**	**188**
Phải thu dài hạn	6.13	7.32	6.07	5.76	5.90
Tài sản cố định	164	164	173	168	175
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.0	12.2	10.5	8.72	6.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**801**	**683**	**612**	**676**	**736**
Nợ ngắn hạn	**795**	**677**	**607**	**670**	**732**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	207	102	91.2	116	200
Nợ dài hạn	5.63	5.63	5.51	5.51	3.79
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**323**	**324**	**310**	**315**	**328**
Vốn chủ sở hữu	**322**	**323**	**309**	**314**	**327**
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92

(Nguồn: fireant.vn)